

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc

Bản án số: 58/2022/DS-ST
Ngày: 10 – 9 – 2022
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

2. Ông Cao Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Giữ, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 263/2021/TLST-DS, ngày 06 tháng 7 năm 2021, về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2022/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Văn Thị Kiều A, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp T, xã J, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thu là ông Lâm Khắc C, sinh năm 1977, theo văn bản ủy quyền ngày 06/12/2019 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số L, đường Q, khóm U, phường V, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ môi trường ZA (đã giải thể)

Ông Trương Tấn B, sinh năm 1978, Giám đốc làm đại diện theo pháp luật (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã R, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/- Bà Nguyễn Thị D (vắng mặt)

2/- Ông Lâm Nguyễn G, sinh ngày 10/8/1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số L1, chung cư I, đường Z1, khóm U, phường X, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3/- Ông Nguyễn Xuân E, sinh ngày 14/01/1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số L2, khóm N, phường Y, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

4/- Ông Phạm Trung H, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

5/- Ông Trịnh Dương K, sinh ngày 23/10/1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L4, xã S, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Lâm Khắc C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Văn Thị Kiều A, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lâm Nguyễn G, ông Phạm Trung H có đơn xin xét xử vắng mặt nên vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ môi trường ZA (đã giải thể) do ông Trương Tấn B làm đại diện và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Xuân E, ông Trịnh Dương K vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Khắc C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Văn Thị Kiều A trình bày:

Vào tháng 02/2019 bà Văn Thị Kiều A vào làm tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ môi trường ZA. Sau hơn một tháng làm việc, công ty có gợi ý với bà A về việc góp vốn vào công ty để được chia lợi nhuận như các anh em khác là thành viên có phần hùn tại công ty. Qua trao đổi, công ty đưa ra số tiền hùn vốn là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Ngày 08/3/2019, bà A đã đồng ý góp vốn vào công ty với số tiền trên. Thế nhưng, sau một thời gian, bà A nhận thấy công ty làm ăn không rõ ràng, giữa nội bộ công ty phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà A yêu cầu ông Trương Tấn B là Giám đốc công ty cho bà A được rút lại số tiền vốn mà bà A đã hùn nhưng ông B không đồng ý trả ngay mà tổ chức cuộc họp có đủ mặt các thành viên công ty và thỏa thuận chỉ trả lại số tiền góp vốn của bà A sau 03 (ba) năm hoạt động và thời gian được tính từ ngày 31/3/2019, ngày công ty bắt đầu

hoạt động đến ngày 31/3/2022. Nhận thấy việc thỏa thuận trong nội dung biên bản ngày 30/6/2019 là không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bà A khi xảy ra trường hợp Công ty thua lỗ, ngưng hoạt động dẫn đến giải thể hoặc phá sản nên bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ môi trường ZA do ông Trương Tấn B làm đại diện theo pháp luật trả lại số tiền mà bà A đã góp vốn là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, là số tiền mà bà A đã góp vốn vào công ty. Đến nay thì cũng đã quá thời hạn theo thỏa thuận nhưng phía các thành viên công ty vẫn chưa hoàn trả đủ số tiền đã góp cho bà A, chỉ có ông Phạm Trung H thực hiện thanh toán phần tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Nay tôi đại diện cho bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc người đại diện hợp pháp của công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ môi trường ZA là ông Trương Tấn B và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Xuân E, ông Lâm Nguyễn G và ông Trịnh Dương K phải trả cho nguyên đơn bà Văn Thị Kiều A số tiền góp vốn còn lại là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

- Ông Trương Tấn B là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ môi trường ZA vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, ông Lâm Nguyễn G, ông Phạm Trung H, ông Nguyễn Xuân E và ông Trịnh Dương K vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông Lâm Khắc C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Văn Thị Kiều A có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc từ 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng xuống còn 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, do ông Phạm Trung H và ông Trịnh Dương K đã thanh toán phần tiền mà ông H và ông K đã đồng ý trả tại biên bản hòa giải vào ngày 16/7/2020. Đối với số tiền gốc còn lại 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, ông C yêu cầu ông Trương Tấn B, ông Nguyễn Xuân E, ông Lâm Nguyễn G và bà Nguyễn Thị D phải trả, cụ thể ông B trả 10.000.000 (mười triệu) đồng, ông E Trả 10.000.000 (mười triệu) đồng và ông G trả 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho cả phần nghĩa vụ của ông G và bà D.

- Ông Trương Tấn B là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ môi trường ZA và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, ông Lâm Nguyễn G, ông Phạm Trung H, ông Nguyễn Xuân E và ông Trịnh Dương K vắng mặt nên không có lời trình bày.

Các đương sự cũng không thỏa thuận được gì với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116, 118, 166 Bộ luật dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Văn Thị Kiều A, buộc ông Trương Tấn B, ông Nguyễn Xuân E, ông Lâm Nguyễn G và bà Nguyễn Thị D trả cho bà A, cụ thể ông B trả 10.000.000 (mười triệu) đồng, ông E Trả 10.000.000 (mười triệu) đồng và ông G trả 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo thỏa thuận trong nội dung biên bản hòa giải ngày 16/7/2020.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông B, ông E và ông G phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: “Tranh chấp đòi lại tài sản”, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Trung H, ông Lâm Nguyễn G có đơn xin xét xử vắng mặt, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trương Tấn B và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân E, ông Trịnh Dương K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

3.1. Về số tiền nguyên đơn yêu cầu:

Vào ngày 08/3/2019, bà Văn Thị Kiều A có hùn tiền vốn vào Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ môi trường ZA với số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng nhưng không có làm hợp đồng để trở thành thành viên của công ty, là có thật đã được ông Trương Tấn B là người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ môi trường ZA và các thành viên của Công ty gồm ông Nguyễn Xuân E, ông Phạm Trung H, ông Trịnh Dương K và ông Lâm Nguyễn G thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận như ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát.

Theo nội dung biên bản hòa giải ngày 16/7/2020 thì do Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ môi trường ZA đã giải thể nên các thành viên Công ty gồm ông Trương Tấn B, ông Nguyễn Xuân E, ông Phạm Trung H, ông Trịnh Dương K và ông Lâm Nguyễn G tự nguyện đồng ý chịu trách nhiệm cá nhân đối với số tiền bà A đã góp vào công ty, cụ thể như sau:

Ông Trương Tấn B tự nguyện đồng ý hoàn trả một phần tiền vốn góp của bà A bằng 10.000.000 (mười triệu) đồng vào ngày đã thỏa thuận trả đủ cho bà A là ngày 31/3/2022.

Ông Nguyễn Xuân E tự nguyện đồng ý hoàn trả một phần tiền vốn góp của bà A bằng 10.000.000 (mười triệu) đồng vào ngày đã thỏa thuận trả đủ cho bà A là ngày 31/3/2022.

Ông Lâm Nguyễn G tự nguyện đồng ý hoàn trả một phần tiền vốn góp của bà A bằng 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, bao gồm phần của ông G và bà D, vào ngày đã thỏa thuận trả đủ cho bà A là ngày 31/3/2022.

Ông Phạm Trung H tự nguyện đồng ý hoàn trả một phần tiền vốn góp của bà A bằng 10.000.000 (mười triệu) đồng vào ngày đã thỏa thuận trả đủ cho bà A là ngày 31/3/2022.

Ông Trịnh Dương K tự nguyện đồng ý hoàn trả một phần tiền vốn góp của bà A bằng 10.000.000 (mười triệu) đồng vào ngày đã thỏa thuận trả đủ cho bà A là ngày 31/3/2022.

3.2. Về số tiền nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện

Phía nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền theo thỏa thuận phải trả ông Trịnh Dương K và ông Phạm Trung H bằng 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng do hai người này đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán đủ cho nguyên đơn xong.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu rút lại của nguyên đơn đối với số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng của ông Phạm Trung H và 10.000.000 (mười triệu) đồng của ông Trịnh Dương K đã thanh toán cho nguyên đơn.

3.3. Về nghĩa vụ thanh toán

Nguyên đơn yêu cầu ông Trương Tấn B, ông Nguyễn Xuân E và ông Lâm Nguyễn G tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 16/7/2020 để trả số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng còn lại cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thỏa thuận trả tiền theo phần của mỗi người là hoàn toàn tự nguyện và lý do ông B, ông E và ông G không hòa giải thành được với nguyên đơn tại biên bản hòa giải ngày 16/7/2020 là vì chưa đến thời điểm thanh toán là ngày 31/3/2022 như cam kết. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử hôm nay là ngày 10/9/2022 đã qua thời gian cam kết 05 tháng 10 ngày nhưng ông B, ông E và ông G vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như lời trình bày của mình. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn, buộc các đương sự này phải hoàn trả số tiền theo sự tự nguyện thỏa thuận tại biên bản ngày 16/7/2020.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù các đương sự ông Trương Tấn B, ông Nguyễn Xuân E và ông Trịnh Dương K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến tham gia phiên tòa nhưng các đương sự này vẫn vắng mặt không lý do. Điều đó đã

thể hiện các đương sự này đang trốn tránh nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ lại cho nguyên đơn và các đương sự này cũng đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và B ích hợp pháp của mình.

Do đó, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Văn Thị Kiều A yêu cầu các đương sự là thành viên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ môi trường ZA (hiện nay đã giải thể) gồm ông Trương Tấn B, ông Nguyễn Xuân E, ông Lâm Nguyễn G phải trả cho bà A số tiền còn lại là 40.000.0000 (bốn mươi triệu) đồng. Cụ thể: ông Trương Tấn B phải trả 10.000.000 (mười triệu) đồng; ông Nguyễn Xuân E phải trả 10.000.000 (mười triệu) đồng và ông Lâm Nguyễn G phải trả 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng trong đó có 10.000.000 (mười triệu) đồng là phần trách nhiệm của ông G và 10.000.000 (mười triệu) đồng là phần trách nhiệm của bà Nguyễn Thị D.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Văn Thị Kiều A, buộc người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Trương Tấn B phải trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng; buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân E phải trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng; buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lâm Nguyễn G phải trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, trong đó có 10.000.000 (mười triệu) đồng là phần trách nhiệm của ông G và 10.000.000 (mười triệu) đồng là phần trách nhiệm của bà D mà ông G tự nguyện nộp thay.

[4] Về án phí: Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Trương Tấn B và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân E, ông Lâm Nguyễn G phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 116, 118 và 166 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Văn Thị Kiều A.

Buộc ông Trương Tấn B (là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ môi trường ZA hiện đã giải thể) phải trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng; buộc ông Nguyễn Xuân E phải trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng; buộc ông Lâm Nguyễn G phải trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng của ông Phạm Trung H và 10.000.000 (mười triệu) đồng của ông Trịnh Dương K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng cộng 2.000.000 đồng.

Buộc ông Trương Tấn B phải nộp 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Xuân E phải nộp 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, ông Lâm Nguyễn G phải nộp 1.000.000 (một triệu) đồng án phí sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Văn Thị Kiều A không phải nộp án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng mà bà A đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006240, ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Chi